



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc tại ngày 30/06/2014

đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc tại ngày 30/06/2014

đã được soát xét

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

501725
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
CH VỤ TƯ
CHÍNH KẾ
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 số 0303141296 ngày 30 tháng 10 năm 2013.

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Quy mô vốn đầu tư

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	68.000.000.000 VNĐ	45,33%
Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	21.319.500.000 VNĐ	20,00%
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	32.890.000.000 VNĐ	33,33%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 là 52.442.059.109 VNĐ.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014 là 208.797.876.348 VNĐ.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuán	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông Lê Văn Chung	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: (tiếp theo)

Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên	<i>Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên	<i>Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Ông Nguyễn Văn San	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Ông Phạm Đình Nam	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Bà Nguyễn Thùy Thương	Thành viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nam	P. Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Lịch	P. Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hoàng Cương	Trưởng ban	<i>Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Ông Lê Thanh Dũng	Ủy viên	<i>Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	<i>Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Ông Trương Công Khánh	Ủy viên	<i>Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>
Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên	<i>Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014</i>

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc tại ngày ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2014

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch**

LÊ THANH THUẤN

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



LÊ VĂN CHUNG

011729
CÔNG TY
+ NHÌM HỮU
VỤ TƯ V
ÍNH KẾ
KIỂM TOÁN
TIA NAM
TP. HỒ

Số: *162*/BCKT/TC**BÁO CÁO**
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNHVề báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 của
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I được lập ngày 30 tháng 07 năm 2014, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày *13* tháng *8* năm 2014**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**Tổng Giám đốc****Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		926.031.528.410	1.063.980.356.682
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	84.634.894.592	103.521.029.113
111	1. Tiền		47.334.894.592	40.021.029.113
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.300.000.000	63.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	13.364.863.281	13.364.863.281
121	1. Đầu tư ngắn hạn		13.364.863.281	13.364.863.281
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		537.453.842.492	702.867.218.316
131	1. Phải thu khách hàng	05	482.917.076.371	625.421.180.985
132	2. Trả trước cho người bán		41.432.213.736	26.953.177.099
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	06	48.512.873.104	80.479.793.017
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(35.408.320.719)	(29.986.932.785)
140	IV. Hàng tồn kho	07	254.823.537.860	222.400.600.692
141	1. Hàng tồn kho		254.823.537.860	222.400.600.692
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.754.390.185	21.826.645.280
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.853.181.809	2.411.735.378
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.219.928.386	2.959.548.305
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16.1	3.101.807.976	874.935.598
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	08	20.579.472.014	15.580.425.999



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		793.299.435.591	781.633.674.140
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		651.842.731.457	643.901.938.622
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	341.232.423.406	353.984.656.610
222	- Nguyên giá		439.161.883.956	437.083.475.448
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(97.929.460.550)	(83.098.818.838)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	117.660.505.112	102.618.685.979
225	- Nguyên giá		127.256.765.780	108.293.929.612
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.596.260.668)	(5.675.243.633)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	98.688.174.190	96.789.203.868
228	- Nguyên giá		99.998.893.291	97.562.073.291
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.310.719.101)	(772.869.423)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	94.261.628.749	90.509.392.165
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	127.800.028.915	126.884.612.314
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		122.209.500.000	121.169.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		9.000.000.000	9.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.409.471.085)	(3.284.887.686)
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.656.675.219	10.847.123.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.093.525.219	1.583.973.204
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác		9.563.150.000	9.263.150.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.719.330.964.001	1.845.614.030.822



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		1.090.765.468.902	1.268.106.594.832
310	I. Nợ ngắn hạn		1.027.392.913.983	1.200.868.943.197
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	827.157.447.110	788.109.578.429
312	2. Phải trả người bán		140.315.695.229	263.652.526.133
313	3. Người mua trả tiền trước		22.799.069.528	19.888.216.057
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.2	6.814.224.389	58.027.608
315	5. Phải trả người lao động		9.387.070.856	16.978.250.016
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	16.644.082.526	108.500.916.192
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.275.324.345	3.681.428.762
330	II. Nợ dài hạn		63.372.554.919	67.237.651.635
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	63.372.554.919	67.237.651.635
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		628.565.495.099	577.507.435.990
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	628.565.495.099	577.507.435.990
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		380.000.000.000	380.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.668.800.000	17.668.800.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		11.000.139.589	10.000.139.589
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		11.098.679.162	10.000.139.589
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		208.797.876.348	159.838.356.812
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.719.330.964.001	1.845.614.030.822

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		216.246,05	264.603,64
- Bảng Anh (EUR)		2.027,43	2.032,89
- Nhân dân tệ (CNY)		4.025,00	1.879,00
- Đô la Hồng Kông (HKD)		6.380,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.141.049.064.085	716.050.759.541
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	260.858.235	5.715.827.025
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.140.788.205.850	710.334.932.516
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.007.264.717.057	621.053.586.067
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.523.488.793	89.281.346.449
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.139.481.356	3.084.508.377
22	7. Chi phí tài chính	25	29.075.068.753	30.012.643.121
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.763.316.205	24.985.713.260
24	8. Chi phí bán hàng		37.291.093.203	29.243.987.424
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		15.353.739.718	9.320.472.934
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.943.068.475	23.788.751.347
31	11. Thu nhập khác		119.548.484	503.211.856
32	12. Chi phí khác		145.972.030	800.229.971
40	13. Lợi nhuận khác		(26.423.546)	(297.018.115)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.916.644.929	23.491.733.232
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	4.474.585.820	1.040.064.991
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			6.498.914
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		52.442.059.109	22.445.169.327
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	1.380	591

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc

TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		891.904.448.053	659.430.655.023
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.121.485.425.545)	(621.792.241.103)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(58.004.605.978)	(49.498.480.390)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.468.591.390)	(28.115.144.144)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(11.298.000)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.015.676.330.366	1.557.907.337.088
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(776.414.597.852)	(1.556.730.588.254)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(50.803.740.346)	(38.798.461.780)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(692.000.000)	(9.303.275.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			7.222.048.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		(1.040.000.000)	(5.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.923.118.160	150.568.545
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		191.118.160	(6.930.658.455)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.155.984.104.237	805.965.039.483
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.118.148.675.976)	(745.597.626.581)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(6.102.526.595)	(4.933.590.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.850.000)	(377.862.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		31.730.051.666	55.055.960.402
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(18.882.570.520)	9.326.840.167
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		103.521.029.113	21.363.629.685
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.564.001)	28.756.556
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		84.634.894.592	30.719.226.408

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 số 0303141296 ngày 30 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỉ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thành lập;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ - đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 22%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

03. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
TIỀN	47.334.894.592	40.021.029.113
a. Tiền mặt	531.163.711	3.447.857.235
Tiền mặt VND	297.415.226	3.295.174.358
Tiền mặt ngoại tệ	233.748.485	152.682.877
+ Tiền mặt gốc USD	149.629.628	93.159.469
+ Tiền mặt gốc EUR	53.157.032	53.012.673
+ Tiền mặt gốc CNY	13.576.325	6.510.735
+ Tiền mặt gốc HKD	17.385.500	
b. Tiền gửi ngân hàng	46.803.730.881	36.573.171.878
Tiền gửi ngân hàng (VND)	42.347.151.402	31.082.505.022
Tiền gửi ngân hàng (ngoại tệ)	4.456.579.479	5.490.666.856
+ Tiền gửi gốc USD	4.451.005.088	5.484.949.865
+ Tiền gửi gốc EUR	5.574.391	5.716.991
c. Tiền đang chuyển		
CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (VND)	37.300.000.000	63.500.000.000
Cộng	84.634.894.592	103.521.029.113

04. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn		13.364.863.281		13.364.863.281
a. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.400.000	13.364.863.281	2.400.000	13.364.863.281
+ ASM	2.400.000	13.364.863.281	2.400.000	13.364.863.281
b. Đầu tư ngắn hạn khác				
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
Cộng		13.364.863.281		13.364.863.281

05. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2014	01/01/2014
Phải thu khách hàng trong nước	273.625.652.277	208.498.455.727
Phải thu khách hàng nước ngoài	86.267.472.008	253.802.950.201
Phải thu khách hàng nước ngoài xuất khẩu uỷ thác	123.023.952.086	163.119.775.057
Cộng	482.917.076.371	625.421.180.985

5011729
CÔNG TY
H NHIỆM HỮU H
H VU TƯ V
HÍNH KẾ T
KIỂM TOÁN
HIA NAM
TP. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

06. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
Bảo hiểm xã hội	11.667.223	11.667.223
Phải thu khác	48.501.205.881	80.468.125.794
+ Công ty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	19.552.712.104	12.265.895.034
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	4.196.705.222	4.196.705.222
+ Công ty CPĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	4.297.578.824	170.127.566
+ Công ty CP ĐTTC và truyền thông Quốc Tế	1.250.000.000	1.250.000.000
+ Công ty CPĐT địa ốc & khoáng sản Châu Á	25.650.000	26.182.000
+ Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò		55.614.520.900
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp	17.386.892.077	5.821.540.906
+ Đối tượng khác	1.791.667.654	1.123.154.166
Cộng	48.512.873.104	80.479.793.017

07. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
- Hàng mua đang đi đường		223.514.940
- Nguyên liệu, vật liệu	40.817.503.556	23.746.346.571
- Công cụ, dụng cụ	361.719.757	318.373.040
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	99.785.526.238	69.850.399.924
- Thành phẩm	100.077.261.307	112.084.216.538
- Hàng hóa	11.581.570.857	7.368.995.817
- Hàng gửi đi bán	2.199.956.145	8.808.753.862
Cộng	254.823.537.860	222.400.600.692

08. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
Tạm ứng	18.902.023.364	13.391.245.100
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.677.448.650	2.189.180.899
+ NH TMCP Sài Gòn Hà Nội -CN. An Giang	1.677.448.650	2.189.180.899
Cộng	20.579.472.014	15.580.425.999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

09. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu kỳ	125.038.095.202	304.205.661.489	4.793.108.140	947.102.800	2.099.507.817	437.083.475.448	
2. Số tăng trong kỳ	1.178.807.600	256.669.999	642.930.909			2.078.408.508	
- Mua trong kỳ	1.178.807.600	256.669.999	642.930.909			2.078.408.508	
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	126.216.902.802	304.462.331.488	5.436.039.049	947.102.800	2.099.507.817	439.161.883.956	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu kỳ	6.537.968.518	72.052.245.471	3.007.920.218	491.094.723	1.009.589.908	83.098.818.838	
2. Khấu hao trong kỳ	1.968.223.371	12.449.124.495	182.616.938	65.945.078	164.731.830	14.830.641.712	
- Khấu hao trong kỳ	1.968.223.371	12.449.124.495	182.616.938	65.945.078	164.731.830	14.830.641.712	
- Tặng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	8.506.191.889	84.501.369.966	3.190.537.156	557.039.876	1.174.321.738	97.929.460.550	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu kỳ	118.500.126.684	232.153.416.018	1.785.187.922	456.008.077	1.089.917.909	353.984.656.610	
2. Tại ngày cuối kỳ	117.710.710.913	219.960.961.522	2.245.501.893	390.062.924	925.186.079	341.232.423.406	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2014**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2014

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ		98.173.364.446	10.120.565.166			108.293.929.612
2. Số tăng trong kỳ		18.962.836.168				18.962.836.168
- Mua trong kỳ		18.962.836.168				18.962.836.168
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		117.136.200.614	10.120.565.166			127.256.765.780
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ		719.949.155	4.955.294.478			5.675.243.633
2. Khấu hao trong kỳ		3.414.988.777	506.028.258			3.921.017.035
- Khấu hao trong kỳ		3.414.988.777	506.028.258			3.921.017.035
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		4.134.937.932	5.461.322.736			9.596.260.668
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ		97.453.415.291	5.165.270.688			102.618.685.979
2. Tại ngày cuối kỳ		113.001.262.682	4.659.242.430			117.660.505.112



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu kỳ	97.467.073.291			95.000.000		97.562.073.291	
2. Số tăng trong kỳ	2.436.820.000					2.436.820.000	
- Mua trong kỳ	2.436.820.000					2.436.820.000	
- Tạo ra từ nội bộ DN							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	99.903.893.291			95.000.000		99.998.893.291	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu kỳ	758.602.749			14.266.674		772.869.423	
2. Khấu hao trong kỳ	529.424.676			8.425.002		537.849.678	
- Khấu hao trong kỳ	529.424.676			8.425.002		537.849.678	
- Tặng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	1.288.027.425			22.691.751		1.310.719.101	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu kỳ	96.708.470.542			80.733.326		96.789.203.868	
2. Tại ngày cuối kỳ	98.615.865.866			72.308.249		98.688.174.190	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
- Xây dựng cơ bản dở dang:	93.108.694.640	90.420.892.167
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	32.614.674.347	32.614.674.347
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	90.318.182
+ Nhà máy đông lạnh	518.181.818	518.181.818
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò		13.783.314.945
+ Đất khu tái định cư	6.002.374.928	5.927.374.928
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá	52.990.338.870	37.032.482.492
+ Vùng nuôi Định Yên	213.053.376	
+ Vùng nuôi cá rô phi tại Cồn Quạ - Chi phí chung	225.207.664	
- Mua sắm tài sản cố định	1.152.934.109	88.499.998
Cộng	94.261.628.749	90.509.392.165

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ	30/06/2014	01/01/2014
Đầu tư và công ty con			
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ góp	122.209.500.000	121.169.500.000
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33%	68.000.000.000	68.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	20,00%	21.319.500.000	20.319.500.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	33,33%	32.890.000.000	32.850.000.000
Đầu tư dài hạn khác	Tỷ lệ góp	9.000.000.000	9.000.000.000
- Công ty CP Nhứt Hồng (*)	12,50%	9.000.000.000	9.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.409.471.085)	(3.284.887.686)
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á		(3.343.715.437)	(3.230.885.860)
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính		(65.755.648)	(54.001.826)
Cộng		127.800.028.915	126.884.612.314

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
- Công cụ dụng cụ	4.087.893.399	1.551.008.428
- Chi phí khác	5.631.820	32.964.776
Cộng	4.093.525.219	1.583.973.204

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn ngân hàng		
+ Việt Nam đồng	296.832.288.310	305.930.000.000
+ Ngoại tệ - USD	530.325.158.800	482.179.578.429
Cộng	827.157.447.110	788.109.578.429

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	30/06/2014	01/01/2014
16.1 Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.101.807.976	527.262.660
- Thuế giá trị gia tăng phải thu Nhà Nước		347.672.938
- Các khoản khác phải thu nhà nước		
Cộng	3.101.807.976	874.935.598

16.2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	30/06/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.754.915.664	
- Thuế thu nhập cá nhân	51.868.725	51.592.608
- Thuế tài nguyên	7.440.000	6.435.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	6.814.224.389	58.027.608

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
- Tài sản thừa chờ giải quyết	27.715.597	27.715.597
- Kinh phí công đoàn	358.045.280	345.956.280
- Bảo hiểm xã hội	194.865.500	144.924.000
- Bảo hiểm y tế	33.709.716	27.173.250
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.862.000	12.077.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.039.335.411	9.732.880.500
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.975.549.022	98.210.189.565
+ Cổ tức phải trả	644.550.000	651.550.000
+ Tiền vận chuyển		2.864.763.818
+ Công ty CP ĐT & XD Sao Mai tỉnh An Giang		576.499.525
+ Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản		7.045.500
+ Hoa hồng môi giới	680.878.906	1.263.732.766
+ Phải trả khác	4.650.120.116	92.846.597.956
Cộng	16.644.082.526	108.500.916.192

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
a. Vay dài hạn	14.591.438.750	62.325.370.934
- Vay ngân hàng - VND	11.080.000.000	57.454.184.264
- Vay ngân hàng - USD	3.511.438.750	4.871.186.670
b. Nợ dài hạn (thuê tài chính)	48.781.116.169	4.912.280.701
Cộng	63.372.554.919	67.237.651.635

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu kỳ trước	380.000.000.000	17.668.800.000		8.170.687.361	8.170.687.361	124.288.173.923
Tăng vốn trong kỳ trước						
Lãi trong kỳ trước						41.098.539.573
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				1.829.452.228	1.829.452.228	
Giảm vốn trong kỳ trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận						(5.488.356.684)
Lỗ trong kỳ trước						
Thù lao hội đồng quản trị						(60.000.000)
Số dư đầu kỳ này	380.000.000.000	17.668.800.000		10.000.139.589	10.000.139.589	159.838.356.812
Tăng vốn trong kỳ này						
Lãi trong kỳ này						52.442.059.109
Tăng do trích từ lợi nhuận				1.000.000.000	1.098.539.573	
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận						(3.098.539.573)
Giảm vốn trong kỳ này						
Lỗ trong kỳ này						
Giảm khác						(384.000.000)
Số dư cuối kỳ này	380.000.000.000	17.668.800.000		11.000.139.589	11.098.679.162	208.797.876.348

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu kỳ	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	380.000.000.000		380.000.000.000	
Trong đó				
Do pháp nhân nắm giữ:	88.213.890.000	23,21%	88.213.890.000	23,21%
Do thể nhân nắm giữ	291.786.110.000	76,79%	291.786.110.000	76,79%
Cộng	380.000.000.000		380.000.000.000	

19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	380.000.000.000	380.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	380.000.000.000	380.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19. d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19. đ) Các quỹ của công ty:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	11.000.139.589	10.000.139.589
Quỹ dự phòng tài chính	11.098.679.162	10.000.139.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	954.427.446.330	685.766.631.553
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.565.848.218	23.109.150.055
Doanh thu bất động sản đầu tư	101.006.078.427	7.174.977.933
Doanh thu từ gia công cá file	7.196.855.400	
Doanh thu từ dầu cá	75.249.138.438	
Doanh thu khác	603.697.272	
Cộng	1.141.049.064.085	716.050.759.541

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	21.036.000	
Hàng bán bị trả lại	239.822.235	5.715.827.025
Cộng	260.858.235	5.715.827.025

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	954.406.410.330	685.766.631.553
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.565.848.218	23.109.150.055
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	100.766.256.192	1.459.150.908
Doanh thu thuần từ gia công cá file	7.196.855.400	
Doanh thu thuần từ dầu cá	75.249.138.438	
Doanh thu thuần khác	603.697.272	
Cộng	1.140.788.205.850	710.334.932.516

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	853.601.033.994	597.715.232.617
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.784.105.078	23.338.353.450
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	68.702.975.455	
Giá vốn từ gia công cá file	7.196.855.400	
Giá vốn từ dầu cá	75.376.049.858	
Giá vốn khác	603.697.272	
Cộng	1.007.264.717.057	621.053.586.067



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.923.118.160	150.222.367
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		3.000.000
- Lãi bán ngoại tệ	118.543.989	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.711.872.976	2.891.736.513
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm	111.816.998	39.549.497
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	274.129.233	
Cộng	5.139.481.356	3.084.508.377

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
- Lãi tiền vay	24.763.316.205	24.985.713.260
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.625.811.852	1.917.529.097
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.100.537.297	2.290.678.831
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	124.583.399	799.585.933
- Chi phí tài chính khác	460.820.000	19.136.000
Cộng	29.075.068.753	30.012.643.121

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.474.585.820	1.040.064.991
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.474.585.820	1.040.064.991

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	52.442.059.109	22.445.169.327
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.380	591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	923.869.880.498	512.509.185.222
Chi phí nhân công	40.988.511.149	35.425.263.725
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.409.285.545	13.043.705.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.554.561.093	14.776.006.965
Chi phí khác bằng tiền	2.442.478.772	1.333.474.021
Cộng	1.007.264.717.057	577.087.635.194

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Công ty góp vốn
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Công ty liên kết
Công ty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty CP Nhựt Hồng	Công ty góp vốn

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Bán cá thành phẩm	328.534.054.750
	- Chuyển nhượng dự án trung tâm thương mại	105.000.000.000
	- Chi hộ cước vận chuyển	14.481.531.615
	- Phí uỷ thác	2.132.900.000
	- Xây dựng Nhà máy chế biến dầu cá	21.981.899.800
	- Mua cá nguyên liệu	95.684.849.771
	- Mua cá nguyên liệu và gia công cá tra	11.908.750.356
	- Phải trả uỷ thác xuất khẩu	286.763.596.516
	- Cho vay, cho mượn	9.400.000.000
	- Chi hộ tiền mua cá và gia công	1.041.764.135
	- Phải trả chi dùm tiền BHXH	252.184.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	- Bán dầu cá, vật tư, mỡ cá... - Chi hộ tiền BHXH	101.402.000.553 11.180.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Bán phụ phẩm cá - Mua mỡ cá - Trả tiền ủy thác xuất khẩu - Mua bong bong cá - Cho vay - Chi hộ phí hoa hồng - Chi hộ tiền BHXH - Phải trả chi dùm tiền BHXH	132.490.630.800 53.943.507.900 4.403.605.452 666.653.750 4.000.000.000 145.354.713 14.300.000 8.475.500

Tại ngày 30/06/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Bán cá thành phẩm - Chuyển nhượng dự án trung tâm thương mại - Tiền 83 nền KDC Bình Khánh - Tiền làm bè nuôi cá - Mua cá nguyên liệu - Thu tiền cho vay - Thu ủy thác xuất khẩu	83.543.832.535 105.000.000.000 4.776.184.000 25.500.000.000 8.715.150.229 6.267.759.450 29.800.120
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	- Thu tiền từ bán dầu cá, vật tư, mỡ cá... - Phải thu tiền cho mượn - Phải thu khác	62.014.927.453 11.180.000 14.470.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Thu tiền từ bán phụ phẩm cá - Thu tiền cho vay - Thu chi hộ phí hoa hồng - Thu do chi hộ tiền BHXH	7.590.630.800 4.146.504.111 145.354.713 5.720.000
Công ty CP ĐTTC và Truyền thông Quốc tế	- Phải thu tiền cho mượn	1.250.000.000
Công ty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	- Phải thu tiền cho mượn - Phải thu khác	4.011.372.222 185.333.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND Giá trị khoản phải trả (VND)
Công ty CP Nhựt Hồng	- Tiền thuê mặt bằng làm bảng quảng cáo	100.000.000

29.2. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

a. Khu vực địa lý

Tại ngày 30/06/2014, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

29.3. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

29.4. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2014	Dự phòng	01/01/2014	30/06/2014
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.634.894.591		103.521.029.113	84.634.894.591
Phải thu khách hàng	482.917.076.371	(35.408.320.718)	625.421.180.985	447.508.755.653
Trả trước cho người bán	50.865.913.536		26.953.177.099	50.865.913.536
Các khoản phải thu khác	47.655.264.030		80.479.793.017	
Cộng	666.073.148.528	(35.408.320.718)	836.375.180.214	583.009.563.780
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	149.749.395.029		263.652.526.133	149.749.395.029
Người mua trả tiền trước	22.799.069.528		19.888.216.057	22.799.069.528
Vay và nợ	890.530.002.029		855.347.230.064	890.530.002.029
Phải trả người lao động	9.387.070.856		16.978.250.016	9.387.070.856
Các khoản phải trả khác	16.644.082.526		108.500.916.192	16.644.082.526
Cộng	1.089.109.619.968		1.264.367.138.462	1.089.109.619.968

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

29.5. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

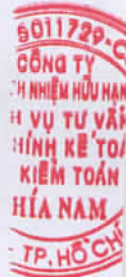
d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 30/06/2014	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	149.749.395.029			149.749.395.029
Người mua trả tiền trước	22.799.069.528			22.799.069.528
Vay và nợ	890.530.002.029	63.372.554.919		953.902.556.948
Các khoản phải trả phải nộp khác	16.644.082.526			
Cộng	1.079.722.549.112	63.372.554.919	1.126.451.021.505	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động tiền gửi ngân hàng và việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND. Công ty đánh giá rủi ro này ảnh hưởng không đáng kể.

h. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

i. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

29.6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 kết thúc ngày 31/12/2013 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 kết thúc ngày 30/06/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

CÁC LÃNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp qui, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance-accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.